

ẢNH HƯỞNG CỦA ÂM NHẠC DÂN GIAN VIỆT NAM ĐẾN VIỆC HÌNH THÀNH BẢN SẮC VĂN HÓA CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

ĐÀO TIẾN TRÍ
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 22/9/2025. Sửa chữa xong 07/10/2025. Duyệt đăng 12/10/2025.

Abstract

Vietnamese folk music, encompassing genres such as Quan họ folk songs, Ca trù, Hò Huế, and chèo, represents a vital part of the nation's cultural heritage. In the era of globalization, folk music has been gradually losing its appeal among young people, particularly university students. This study explores the role and impact of Vietnamese folk music on the formation of cultural identity among university students, with a focus on those at Hai Duong University. By integrating theoretical analysis, empirical surveys, and proposed solutions, the research highlights that folk music not only serves as an invaluable form of intangible cultural heritage but also functions as an educational and inspirational medium that helps shape moral values and cultural consciousness in the younger generation. The findings reveal that frequent engagement with folk music fosters a stronger sense of cultural roots, national pride, and personal identity among students.

Keywords: Cultural identity, folk music, intangible heritage, music education, university students.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, giao thoa văn hóa diễn ra mạnh mẽ và không ngừng mở rộng. Điều này mang đến cơ hội nhưng cũng đặt ra thách thức đối với việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Với Việt Nam – một quốc gia đa dạng về văn hóa, âm nhạc dân gian đóng vai trò vừa là biểu tượng vừa là công cụ truyền tải giá trị lịch sử, phong tục và tâm hồn dân tộc [1]. Tuy nhiên, thực tế cho thấy giới trẻ, đặc biệt là sinh viên (SV) đại học, đang dần ít tiếp xúc và hiểu biết về âm nhạc dân gian, thay vào đó là sự ảnh hưởng mạnh mẽ của âm nhạc hiện đại và văn hóa ngoại lai. Do đó, việc nghiên cứu ảnh hưởng của âm nhạc dân gian đến sự hình thành bản sắc văn hóa ở SV đại học nói chung và SV Trường Đại học Hải Dương nói riêng là thực sự cần thiết, góp phần xây dựng chiến lược bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

2. Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

2.1.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ tiếp cận, hiểu biết và ảnh hưởng của âm nhạc dân gian Việt Nam đến nhận thức, thái độ và hành vi văn hóa của SV Trường Đại học Hải Dương. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của âm nhạc dân gian trong việc giáo dục cũng như định hình bản sắc văn hóa cho thế hệ trẻ nói chung và SV Trường Đại học Hải Dương nói riêng.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định vai trò của âm nhạc dân gian Việt Nam: Làm rõ cách âm nhạc dân gian (như dân ca, hát chèo, quan họ, ca trù,...) ảnh hưởng đến nhận thức và cảm xúc của SV Trường Đại học Hải Dương về văn hóa truyền thống.

Email: Daotientri0205@gmail.com

- Đánh giá mức độ tiếp cận và tham gia: Tìm hiểu mức độ SV Đại học Hải Dương tiếp cận, tham gia (học tập, biểu diễn, thưởng thức) các loại hình âm nhạc dân gian Việt Nam.

- Phân tích tác động đến bản sắc văn hóa: Nghiên cứu cách âm nhạc dân gian góp phần hình thành và củng cố bản sắc văn hóa của SV Trường ĐH Hải Dương, bao gồm niềm tự hào dân tộc, ý thức giữ gìn di sản, và sự kết nối với giá trị truyền thống.

- Khám phá yếu tố ảnh hưởng: Xác định các yếu tố (giáo dục, môi trường xã hội, hoạt động ngoại khóa,...) thúc đẩy hoặc cản trở sự ảnh hưởng của âm nhạc dân gian đến SV Trường Đại học Hải Dương.

- Đề xuất giải pháp: Đưa ra các khuyến nghị nhằm tăng cường việc lồng ghép âm nhạc dân gian vào các hoạt động giáo dục và văn hóa tại trường để giáo dục và định hình bản sắc văn hóa cho thế hệ trẻ nói chung và SV Trường Đại học Hải Dương nói riêng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Khảo sát bằng bảng hỏi (Questionnaire): Phát phiếu khảo sát cho một số lượng SV đại diện các khoa, khóa học của Trường Đại học Hải Dương để thu thập dữ liệu định lượng về mức độ tiếp cận, hiểu biết và cảm nhận của họ về âm nhạc dân gian.

- Phỏng vấn sâu (In-depth Interview): Phỏng vấn một nhóm SV và giảng viên của Trường Đại học Hải Dương để thu thập dữ liệu định tính, làm rõ quan điểm, trải nghiệm cá nhân và đề xuất của họ.

- Nghiên cứu tài liệu: Thu thập, phân tích các tài liệu, báo cáo, công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về âm nhạc dân gian và bản sắc văn hóa.

2.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

- Phân tích định lượng: Sử dụng các công cụ thống kê (Excel/SPSS) để xử lý dữ liệu khảo sát, tính toán tần suất, tỷ lệ, trung bình và mối tương quan.

- Phân tích định tính: Dùng phương pháp phân tích nội dung (content analysis) để khai thác dữ liệu từ phỏng vấn sâu và tài liệu tham khảo.

2.2.3. Phương pháp so sánh - đối chiếu

So sánh kết quả giữa các nhóm SV (theo năm học, giới tính, chuyên ngành...) nhằm tìm ra sự khác biệt và điểm chung trong tác động của âm nhạc dân gian.

3. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu

3.1. Khái niệm âm nhạc dân gian

Âm nhạc dân gian Việt Nam là bộ phận quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc, được hình thành và phát triển qua nhiều thế hệ, gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của cộng đồng. Khác với âm nhạc bác học, âm nhạc dân gian thường không có tác giả cụ thể, mà được lưu truyền bằng hình thức truyền miệng và trình diễn trực tiếp, qua đó phản ánh chân thực môi trường tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và tâm tư, tình cảm của con người ở từng vùng miền.

Về mặt hình thức, âm nhạc dân gian Việt Nam bao gồm các làn điệu, thể loại, nhạc cụ và phong tục biểu diễn đặc trưng cho từng cộng đồng, ví dụ:

- Chèo: Là loại hình sân khấu ca kịch dân gian tổng hợp, phát triển mạnh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Chèo kết hợp ca, múa, nhạc, kịch, thường mang tính chất trào lộng, phê phán nhưng cũng không kém phần trữ tình, sâu sắc. Âm nhạc chèo có tính ước lệ cao, sử dụng các làn điệu cổ truyền như "luyện năm cung", "hề liễu", "bình bán văn"...

- Quan họ: Là loại hình dân ca đặc trưng của vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh, Bắc Giang nay là tỉnh Bắc Ninh), được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Quan họ nổi bật với lối hát đối đáp giao duyên giữa các liền anh, liền chị, vừa trữ tình, vừa hóm hỉnh. Giai điệu quan họ mượt mà, bay bổng, thường sử dụng các từ láy, từ đệm để tạo cảm xúc [3].

- Ca trù: Còn gọi là hát Ả đào hay hát nói, là loại hình nghệ thuật tổng hợp gồm thi ca, âm nhạc và vũ đạo, mang đậm tính bác học và chuyên nghiệp. Ca trù thường được biểu diễn trong các không gian

thanh lịch như đình, đền, hoặc các tư gia. Đặc trưng của ca trù là lối hát luyến láy, nhả chữ tinh tế của ca nương kết hợp với tiếng phách, đàn đáy và trống chầu.

- Các điệu hò: Là loại hình dân ca phổ biến ở nhiều vùng miền, đặc biệt là miền Trung và miền Nam, gắn liền với các hoạt động lao động sản xuất như hò kéo lưới, hò chèo thuyền, hò giã gạo, hò đối đáp trên sông nước... Lời hò thường ngẫu hứng, mộc mạc, phản ánh trực tiếp cuộc sống và tâm tư của người lao động. Giai điệu hò thường mạnh mẽ, khỏe khoắn, có tiết tấu rõ ràng, phù hợp với nhịp điệu công việc.

- Hát xẩm: Là loại hình âm nhạc gắn liền với tầng lớp bình dân, đặc biệt là những người hát rong, thường là người khuyết tật. Hát xẩm có ca từ gần gũi với đời sống, mang tính tự sự, trào phúng hoặc kể chuyện, răn dạy đạo lý. Âm nhạc xẩm thường đơn giản nhưng sâu lắng, dễ đi vào lòng người, với các nhạc cụ như nhị, sáo, đàn bầu, trống phách.

- Đờn ca tài tử Nam Bộ: Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, là loại hình nghệ thuật âm nhạc thính phòng đặc trưng của vùng đất phương Nam. Đờn ca tài tử được hình thành trên cơ sở nhạc lễ, nhã nhạc cung đình Huế và các điệu lý, bài bản dân gian. Nó chú trọng sự ngẫu hứng, biến tấu của người chơi đàn và người ca, tạo nên sự phóng khoáng, tự do trong giai điệu.

- Các điệu lý: Là những bài dân ca ngắn gọn, có cấu trúc đơn giản, thường mô tả cảnh vật, sinh hoạt đời thường hoặc biểu lộ tình cảm. Các điệu Lý rất phổ biến ở cả ba miền, mỗi miền lại có những điệu Lý đặc trưng riêng như Lý cây đa (Bắc Bộ), Lý con sáo (Nam Bộ), Lý Hoài Xuân (Trung Bộ)... [2]

Âm nhạc dân gian không chỉ là phương tiện giải trí mà còn là kho tri thức xã hội, chứa đựng kinh nghiệm sống, phong tục tập quán và triết lý nhân sinh của cộng đồng.

3.2. Bản sắc văn hóa

Bản sắc văn hóa là một trong những khái niệm cốt lõi trong nghiên cứu văn hóa học, xã hội học và nhân học. Nó đề cập đến tổng thể những đặc điểm độc đáo, riêng biệt của một cá nhân, một nhóm người, hoặc một dân tộc, được hình thành và biểu hiện thông qua hệ thống giá trị, niềm tin, phong tục tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật, lịch sử và các hành vi ứng xử trong xã hội. Bản sắc văn hóa giúp con người nhận diện mình là ai, thuộc về đâu, và khác biệt với những ai [4].

Bản sắc văn hóa cá nhân là những đặc điểm văn hóa mỗi người hấp thụ và thể hiện qua suy nghĩ, cảm xúc, hành động. Nó hình thành từ xã hội hóa, giáo dục, trải nghiệm và tương tác với môi trường. Bản sắc không cố định mà biến đổi theo thời gian. Nó thể hiện qua cách nói, ăn mặc, tư duy, giá trị sống và cách nhìn nhận thế giới.

Bản sắc văn hóa dân tộc được hiểu là tổng hòa những giá trị vật chất và tinh thần tạo nên đặc trưng của một cộng đồng, bao gồm truyền thống lịch sử, phong tục tập quán, tín ngưỡng, nghệ thuật, lối sống và hệ giá trị. Đây là yếu tố giúp phân biệt một cộng đồng với các cộng đồng khác, đồng thời củng cố sự đoàn kết và ý thức tự hào dân tộc.

Đối với SV – thế hệ trẻ đang trong giai đoạn hoàn thiện nhân cách và mở rộng nhận thức – bản sắc văn hóa không chỉ tồn tại trong kiến thức học thuật, mà còn thể hiện ở:

- Hành vi: Cách ứng xử, giao tiếp, tôn trọng và bảo vệ giá trị truyền thống.

- Thái độ: Lòng tự hào, ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc.

- Sự tham gia: Mức độ hứng thú và tham gia vào các hoạt động văn hóa – nghệ thuật, đặc biệt liên quan đến di sản.

Nghiên cứu bản sắc văn hóa của SV Trường Đại học Hải Dương giúp xác định mức độ gắn kết giữa thế hệ trẻ và di sản, từ đó đề xuất biện pháp giáo dục văn hóa phù hợp.

3.3. Vai trò của âm nhạc dân gian trong việc hình thành bản sắc

Âm nhạc dân gian giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành bản sắc, không chỉ ở giá trị nghệ thuật mà còn ở giá trị nhân văn và xã hội. Việc tiếp cận và trải nghiệm âm nhạc dân gian giúp con người, đặc biệt là giới trẻ, phát triển toàn diện hơn.

Đối với SV đại học, âm nhạc dân gian đóng góp vào quá trình hình thành bản sắc qua các khía cạnh:

3.3.1. Hiểu rõ cội nguồn lịch sử và văn hóa

Lời ca, giai điệu, tiết tấu của âm nhạc dân gian chứa đựng câu chuyện lịch sử, truyền thuyết, các sự kiện và trải nghiệm tập thể. Khi học, nghe và hát lại, SV tiếp nhận “ký ức văn hóa”, từ đó kết nối với cội nguồn và ý thức về bản sắc dân tộc.

3.3.2. Truyền tải giá trị, chuẩn mực và phong tục

Nhiều làn điệu dân gian gắn với lễ hội, nghi thức, phong tục (đám cưới, lễ hội mùa, tín ngưỡng...). Tham gia hoặc thưởng thức giúp SV hấp thụ chuẩn mực ứng xử, đạo đức và quan niệm sống của cộng đồng.

3.3.3. Tạo bản sắc thẩm mỹ riêng

Mỗi dân tộc có hệ thống âm giai, nhịp điệu, lối hát riêng, hình thành “ngôn ngữ âm nhạc” độc đáo. Tiếp xúc thường xuyên giúp SV hình thành thị hiếu thẩm mỹ mang dấu ấn văn hóa dân tộc, khác biệt với các nền văn hóa khác.

3.3.4. Tăng cường gắn kết cộng đồng và ý thức bảo tồn di sản

Âm nhạc dân gian thường diễn xướng tập thể như hát đối, múa hát, hòa tấu, qua đó tăng tình đoàn kết và cảm giác “thuộc về” cộng đồng. Tham gia biểu diễn và truyền dạy dân ca cũng đồng nghĩa với việc góp phần bảo tồn di sản. Vì vậy, âm nhạc dân gian không chỉ là nghệ thuật mà còn là công cụ giáo dục văn hóa – xã hội hiệu quả, giúp SV định hình nhân cách và củng cố bản sắc văn hóa cá nhân.

4. Kết quả nghiên cứu và kiến nghị

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Kết quả định lượng

Chúng tôi tiến hành khảo sát đối với 100 SV đến từ Trường Đại học Hải Dương. Trong đó nữ là 61 người (chiếm tỷ lệ 61%), nam là 39 người (chiếm tỷ lệ 39%). Về ngành học: 36% thuộc khối ngành xã hội và nhân văn, 28% thuộc khối nghệ thuật, 11% khối kỹ thuật – công nghệ và 25% thuộc khối kinh tế. Kết quả khảo sát tần suất tiếp cận âm nhạc dân gian được thể hiện qua bảng 1, cụ thể:

STT	Nội dung khảo sát	Số lượng (Frequency)	Tỷ lệ (%) (Percent)	
1	Giới tính	Nam	39	39
		Nữ	61	61
		Tổng	100	100
2	Ngành học	Khối nghệ thuật	38	38
		Khối ngành xã hội và nhân văn	30	30
		Khối kỹ thuật - công nghệ	11	11
		Khối Kinh tế	21	21
		Tổng	100	100
3	Tần suất nghe hoặc tiếp xúc với âm nhạc dân gian Việt Nam	Hàng ngày	2	2
		Hàng tuần	6	6
		Hàng tháng	19	19
		Hiếm khi	73	73
		Tổng	100	100
4	Bạn có biết hoặc từng nghe đến các thể loại âm nhạc dân gian nào?	Quan họ	98	98
		Đờn ca tài tử Nam Bộ	21	21
		Các điệu hò	61	61
		Hát Xẩm	32	32
		Ca trù	28	28
		Chèo	46	46
		Các điệu lý	59	59

Bảng 1: Tần suất tiếp cận âm nhạc dân gian của SV Trường Đại học Hải Dương

Qua bảng trên, ta có thể thấy phần lớn SV (73%) hiếm khi nghe nhạc dân gian, phản ánh rõ ràng thực trạng mức độ tiếp cận âm nhạc dân gian rất thấp. Chỉ 8% (hàng ngày và hàng tuần) duy trì thói quen tiếp xúc thường xuyên, chứng tỏ âm nhạc dân gian chưa thực sự hiện diện trong đời sống giải trí hàng ngày của SV. Tỷ lệ nghe hàng tháng (19%) cho thấy vẫn còn một nhóm nhỏ có nhu cầu tiếp cận, nhưng tần suất này chưa đủ để tạo thành thói quen hoặc tác động mạnh đến nhận thức văn hóa.

Dù tần suất tiếp xúc thấp nhưng mức độ nhận biết về các thể loại âm nhạc dân gian lại khá cao, cho thấy nhiều người đã từng nghe qua hoặc biết đến chúng:

- Quan họ là thể loại được biết đến nhiều nhất với 98% người được khảo sát nhận ra. Điều này có thể do Quan họ được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO và thường xuyên được quảng bá rộng rãi.

- Các điệu hò (61%) và các điệu lý (59%) cũng được nhiều người biết đến, có thể do tính phổ biến và gần gũi của chúng trong văn hóa dân gian Việt Nam.

- Các thể loại như Đờn ca tài tử Nam Bộ (21%), Hát Xẩm (32%) và Ca trù (28%) có mức độ nhận biết thấp hơn. Điều này có thể phản ánh sự khó tiếp cận hoặc ít được truyền thông, phổ biến hơn so với các thể loại khác.

Tần suất tiếp xúc không chỉ ảnh hưởng đến kiến thức mà còn đến cảm xúc và sự gắn kết văn hóa. Các SV thường xuyên nghe, xem hoặc tham gia biểu diễn nhạc dân gian có khả năng nhận diện thể loại, vùng miền và giá trị văn hóa tốt hơn, đồng thời có xu hướng xem âm nhạc dân gian là một phần của bản sắc cá nhân. Ngược lại, nhóm ít tiếp xúc thường coi nhạc dân gian như một “di sản xa lạ”, ít liên quan đến đời sống thường ngày [5].

4.1.2. Phân tích định tính

Kết quả phỏng vấn sâu 15 SV của Trường Đại học Hải Dương cho thấy:

- Nhận thức về giá trị văn hóa: Phần lớn SV hiểu rằng âm nhạc dân gian chứa đựng những giá trị lịch sử và có tác động đến nhận thức của họ về bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, mức độ hiểu biết cụ thể về từng thể loại còn hạn chế, đặc biệt ở SV khối kỹ thuật. Nhóm tiếp xúc thường xuyên với âm nhạc dân gian có khả năng về nhận thức bản sắc văn hóa cao hơn đáng kể so với nhóm hiếm khi tiếp xúc.

- Tác động tình cảm: Nhiều người bày tỏ cảm giác tự hào, gần gũi khi nghe những làn điệu quen thuộc như quan họ, hò Huế, hoặc các điệu lý. Một số SV cho rằng âm nhạc dân gian giúp họ “chạm vào” ký ức gia đình, đặc biệt là các dịp Lễ, Tết.

- Hành vi bảo tồn: SV khối ngành xã hội và nhân văn thể hiện mức độ hiểu biết và tham gia tích cực hơn các câu lạc bộ, dự án biểu diễn, hoặc giới thiệu nhạc dân gian qua mạng xã hội so với khối kỹ thuật - công nghệ. Sự khác biệt này có thể xuất phát từ: Nội dung học tập gắn với môn nghệ thuật, văn hóa truyền thống; Tần suất được tiếp xúc thông qua hoạt động biểu diễn, hội thảo, và dự án học thuật; Động lực cá nhân khi xem nhạc dân gian là một phần nghề nghiệp tương lai.

- Ảnh hưởng của môi trường học tập: Kết quả khảo sát cho thấy môi trường học tập đóng vai trò kích thích trải nghiệm văn hóa. Tại những khoa có câu lạc bộ hoặc sự kiện liên quan, tỷ lệ SV tham gia hoạt động bảo tồn cao hơn hẳn. Điều này đồng thuận với mô hình giáo dục dựa trên trải nghiệm (experiential learning) của Kolb (1984), theo đó sự tham gia trực tiếp giúp SV tiếp thu sâu và hình thành cam kết với giá trị văn hóa.

4.2. Kiến nghị

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, văn hóa ngoại lai lan tỏa nhanh qua mạng xã hội, khiến nhạc dân gian thường bị xem là “lỗi thời” hoặc “khó nghe”. Thực tế này càng khẳng định tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm và truyền thống sáng tạo nhằm làm mới hình ảnh nhạc dân gian, giúp SV vừa tự hào về di sản vừa cảm thấy gần gũi với đời sống hiện đại [6].

Kết quả nghiên cứu cho thấy, SV tiếp xúc thường xuyên với âm nhạc dân gian có nhận thức và thái độ bảo tồn cao hơn nhóm ít tiếp xúc. Việc tiếp xúc này góp phần hình thành ý thức gìn giữ bản sắc dân tộc ngay từ khi còn trẻ. Vì vậy, để tăng nhận thức và thái độ bảo tồn âm nhạc dân gian, nhóm nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị như sau:

4.2.1. Đối với cơ sở giáo dục đại học

- Tích hợp nội dung âm nhạc dân gian vào chương trình giảng dạy, dưới dạng môn học hoặc chuyên đề ngoại khóa, không chỉ ở các ngành nghệ thuật mà cả trong các ngành ngoài khối nghệ thuật.
- Tổ chức định kỳ các hoạt động ngoại khóa như hội diễn, workshop, tọa đàm, để SV được trải nghiệm trực tiếp.
- Khuyến khích SV tham gia các dự án nghiên cứu, truyền thông hoặc sản xuất nội dung số về âm nhạc dân gian.
- Tận dụng nền tảng số để tiếp cận SV qua các định dạng hiện đại như clip ngắn, hòa âm phối khí mới, nhưng vẫn giữ nguyên chất truyền thống.
- Tạo cơ hội hợp tác liên ngành giữa SV kỹ thuật, kinh tế, nghệ thuật trong các dự án bảo tồn.

4.2.2. Đối với cơ quan quản lý văn hóa

- Hỗ trợ trường đại học tổ chức các chương trình giao lưu với nghệ nhân, nhóm nhạc dân gian chuyên nghiệp.
- Xây dựng chiến lược truyền thông phù hợp với giới trẻ, kết hợp yếu tố hiện đại để thu hút sự quan tâm nhưng vẫn đảm bảo tính nguyên gốc.

4.2.3. Đối với sinh viên

- Chủ động tìm hiểu, trải nghiệm và chia sẻ về âm nhạc dân gian thông qua cả kênh truyền thống và mạng xã hội.
- Kết hợp nhạc dân gian với các dự án học tập, nghiên cứu hoặc sáng tạo cá nhân, qua đó lan tỏa giá trị văn hóa.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng mức độ tiếp xúc với âm nhạc dân gian có ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt đến nhận thức, thái độ và hành vi bảo tồn di sản văn hóa của SV. Những SV thường xuyên nghe, xem hoặc tham gia biểu diễn nhạc dân gian không chỉ hiểu rõ hơn về giá trị lịch sử, nghệ thuật và bản sắc của thể loại này, mà còn thể hiện mong muốn chủ động tham gia các hoạt động bảo tồn. Các yếu tố môi trường giáo dục, ngành học và hình thức tiếp cận đóng vai trò quyết định trong việc hình thành nhận thức và thái độ này. Đặc biệt, những trường có hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, hoặc chương trình trải nghiệm liên quan đến âm nhạc dân gian đã tạo được nền tảng thuận lợi để SV gắn bó với di sản.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thụy Loan (2005). *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Phạm Duy (2017). *Đặc khảo về dân nhạc ở Việt Nam*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [3] Tô Ngọc Thanh (2000). *Dân Ca Việt Nam*. NXB Âm nhạc, Hà Nội.
- [4] Phan Ngọc (1999). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [5] Huỳnh Công Bá (2012). *Cội nguồn và bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB Thuận Hóa, Huế
- [6] Trần Ngọc Thêm (1996). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam: cái nhìn hệ thống - loại hình*. NXB TP. Hồ Chí Minh.